

Bản án số: 807/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé
2. Ông Bùi Quang Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân là thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Quyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hoàng T; Sinh năm: 1986; Địa chỉ cư trú: đường L, khu phố I, phường T, Quận A, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* bà Võ Thị Mỹ H; Sinh năm: 1991; Địa chỉ cư trú: Đường A, khu phố L, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông và bà Võ Thị Mỹ H quen nhau từ năm 2012. Đến năm 2013, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống bình thường cho đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H ghen tuông vô cớ, có hành vi xúc phạm ông và bần ông nên vợ chồng lạnh nhạt với nhau. Bà H thường xuyên

đi làm sớm về trễ không lo lắng gì tới con cái. Tháng 03/2020, bà H tự ý dọn đồ đạc và đưa hai con về nhà mẹ đẻ ở, không nói gì với ông. Từ đó, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm lẫn nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vì vậy ông yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 23/10/2014 và Nguyễn Hoàng Long B, sinh ngày 04/10/2017. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bảo N và giao con chung Long B cho bà H nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con và ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Mỹ H trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Hoàng T về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân hiện nay của vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là từ tháng 01/2020 ông T có người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra tranh cãi, ông T đập phá đồ đạc. Đến tháng 03/2020, ba chồng bà đuổi ba mẹ con bà ra khỏi nhà nên bà đã dọn đồ và đưa các con về nhà mẹ đẻ ở. Sau khi bà dọn về nhà mẹ thì ông T chỉ qua 1 lần, đòi ẵm Long B ra ngoài nhưng anh bà không cho và hai bên xảy ra tranh chấp, đánh nhau. Sau đó ông T không qua nữa, không gọi điện hỏi thăm, không hỗ trợ bà nuôi con mà chỉ có ông bà nội mỗi chủ nhật thì có qua thăm, mua quà bánh, đồ chơi cho cháu. Nay ông T kiên quyết ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 23/10/2014 và Nguyễn Hoàng Long B, sinh ngày 04/10/2017. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung Không có

- Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H; Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bảo N, giao con chung Long B cho bà H nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn đồng ý ly hôn với ông T; Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Giao con chung Bảo N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Long B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc các

đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T yêu cầu ly hôn bà H và bà H cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố H cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông T bà H xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2020. Nay ông T yêu cầu ly hôn và bà H cũng đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Võ Thị Mỹ H.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân phường L, Quận A, Thành phố H; Giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố H và lời khai của ông T bà H thì có đủ căn cứ xác định ông T bà H có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 23/10/2014 và Nguyễn Hoàng Long B, sinh ngày 04/10/2017

Xét, ông T đề nghị giao con chung Long B, sinh ngày 04/10/2017 cho bà H nuôi dưỡng và bà H cũng đồng ý. Đồng thời, tính đến thời điểm xét xử 15/9/2020 thì con chung Long B chưa đủ 36 tháng. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Long B cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, ông T bà H đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bảo N và ông bà đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con nhưng việc quyết định giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử phải xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con.

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận từ tháng 03/2020 con chung Bảo N sống cùng bà H và em trai Long B nhưng từ khi sinh ra trẻ Bảo N đều sống cùng bà mẹ và ông bà nội. Đồng thời trẻ Bảo N có thời gian tiếp xúc với ông bà nội nhiều hơn với ba mẹ.

Bà H có thời gian làm việc từ 07 giờ sáng đến 07 giờ tối hoặc ngược lại, đổi ca 1 tuần/lần nhưng thực tế bà phải đi sớm và về trễ hơn. Bà H không có

nhiều thời gian để chăm sóc, chỉ bảo trẻ học tập mà giao cho ông bà ngoại và cậu của trẻ.

Từ khi ly thân, ông T tuy không đến thăm con chung, không hỗ trợ tiền để bà H nuôi dưỡng con chung nhưng ông đưa tiền cho bố mẹ ông mua đồ mỗi khi qua thăm cháu và bà H cũng xác nhận việc ông bà có mua đồ cho cháu mỗi lần qua thăm. Đồng thời, việc ông T không tiếp tục qua thăm con cũng do có sự tranh chấp, ngăn cản của phía gia đình bà H, đặc biệt hai bên đã xảy ra xô xát, phải yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp.

Tuy trẻ Bảo N mới vào học lớp 1 tại Trường tiểu học Long Phước nhưng khoảng cách từ nhà ông T đến trường trẻ chỉ khoảng 6-7km và ông T cũng đủ điều kiện, thời gian để đưa đón trẻ đi học mà không gặp khó khăn.

Các đương sự đều chung sống với bố mẹ ruột nhưng điều kiện về nơi ở của mỗi bên có sự khác nhau. Bà H cho rằng bà đã có nhà riêng nhưng thực tế chỉ căn phòng được ngăn ra, không phải nhà xây dựng kiên cố. Trong nhà bà H ngoài bố mẹ còn có gia đình của anh trai bà. Trong khi ông T chỉ sống cùng bố mẹ và điều kiện nhà cửa cũng tốt hơn bà H.

Từ những cơ sở trên, để bảo đảm việc trẻ Bảo N được chăm sóc, giáo dục và phát triển trong điều kiện tốt nhất, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Bảo N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của các đương sự và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Võ Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Giao ông Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 23/10/2014 và bà Võ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Long B, sinh ngày 04/10/2017. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Võ Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Hoàng T chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hoàng T đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Hoàng T và bà Võ Thị Mỹ H không còn giá trị pháp lý.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh